FireAnt

CTCP Giống Bò sữa Mộc Châu (HSX: MCM)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	31,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,350
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,482
P/E	15.4
EPS	2,056

	YTD	1T	3T	6T
MCM	-8.1%	-2.9%	-9.2%	-12.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

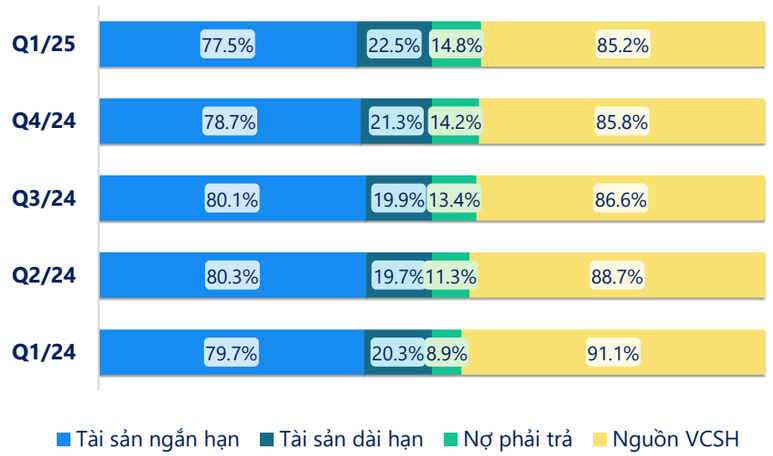

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

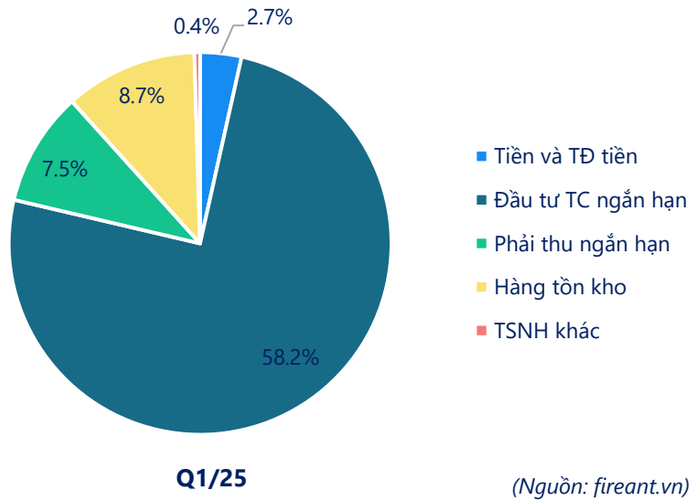

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

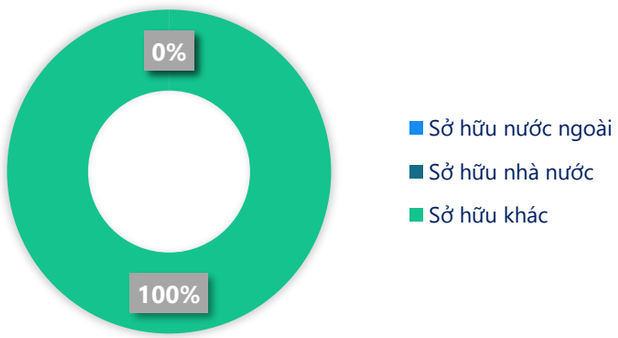

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

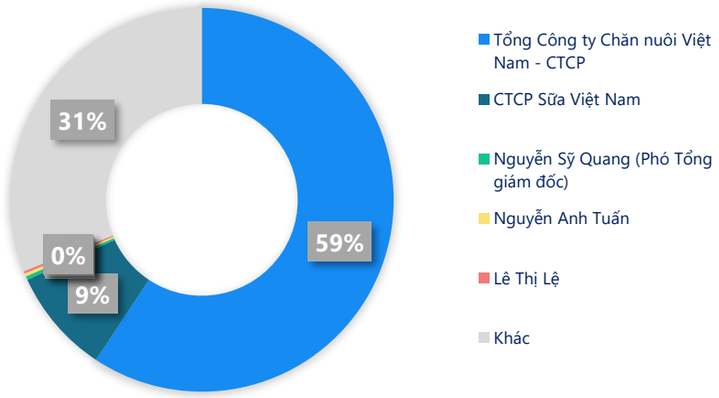

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

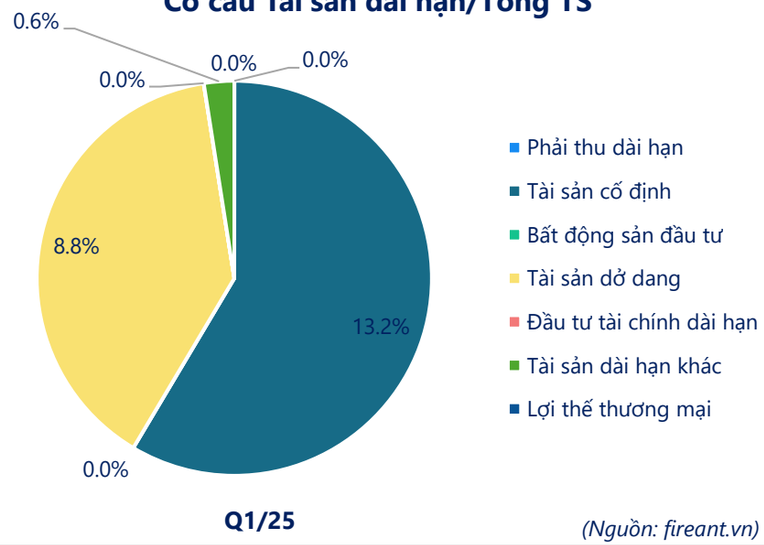

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Giống Bò sữa Mộc Châu (HSX: MCM)

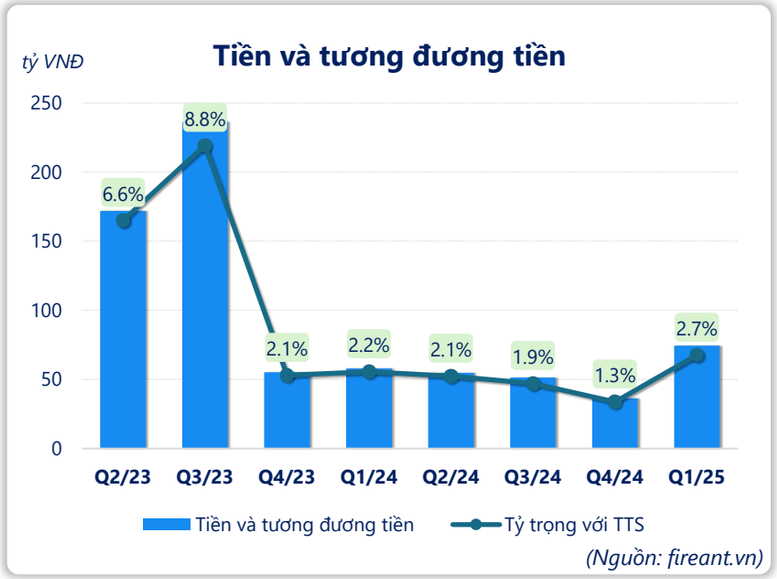

(Nguồn: fireant.vn)

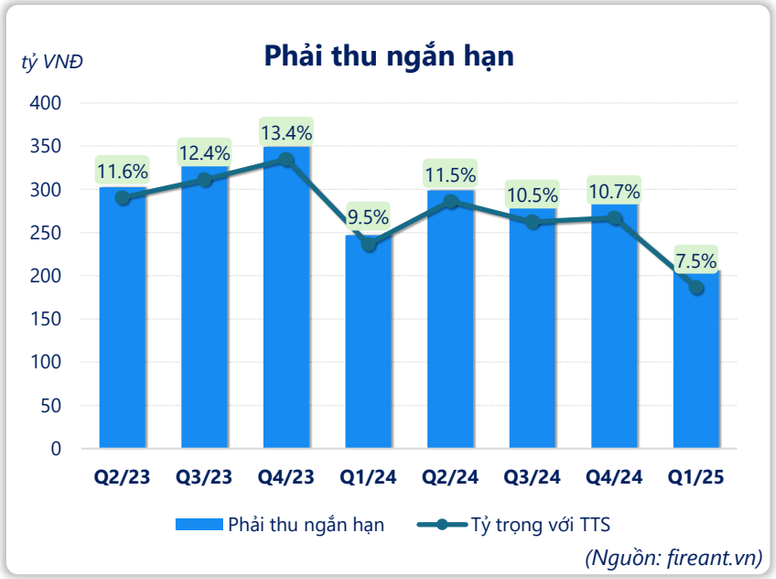

(Nguồn: fireant.vn)

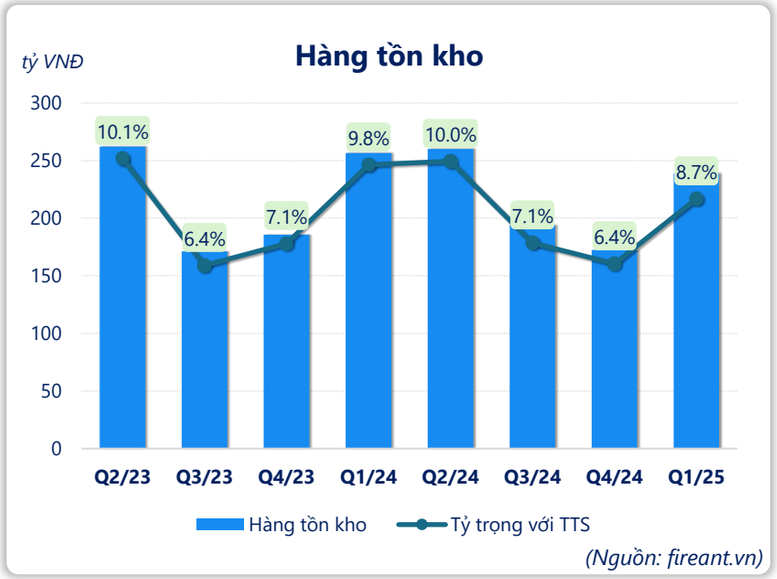

(Nguồn: fireant.vn)

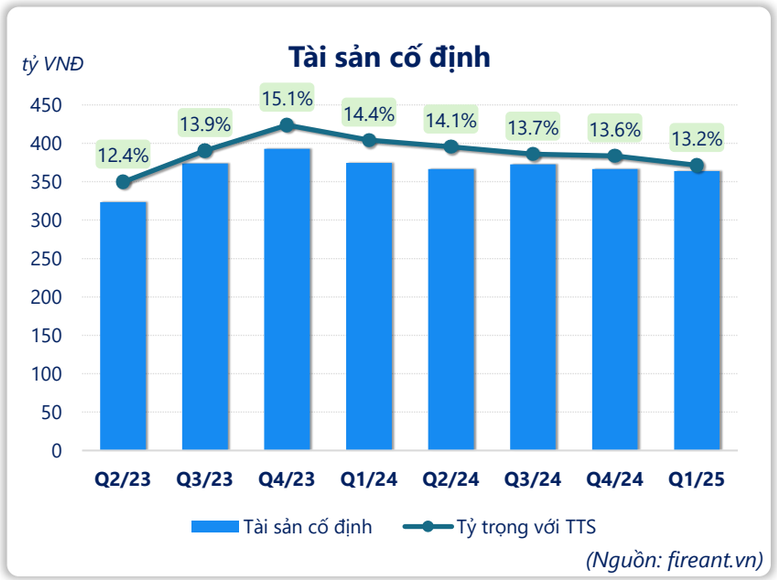

(Nguồn: fireant.vn)

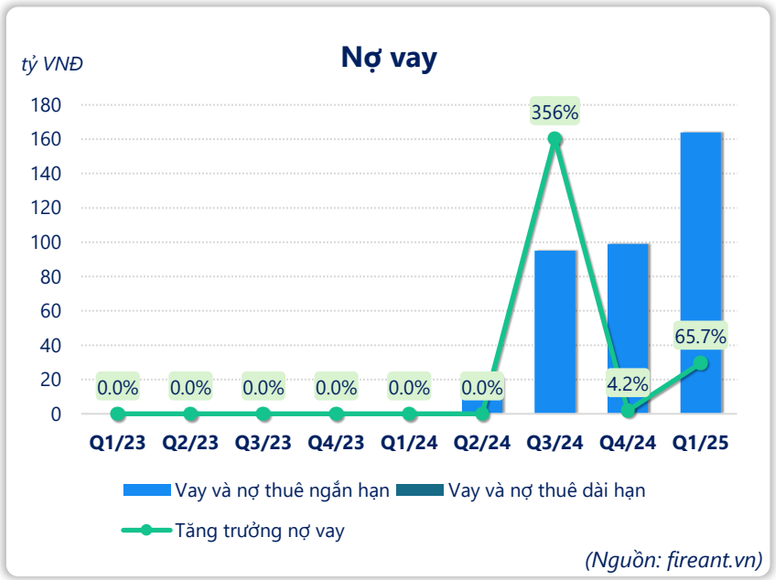

(Nguồn: fireant.vn)

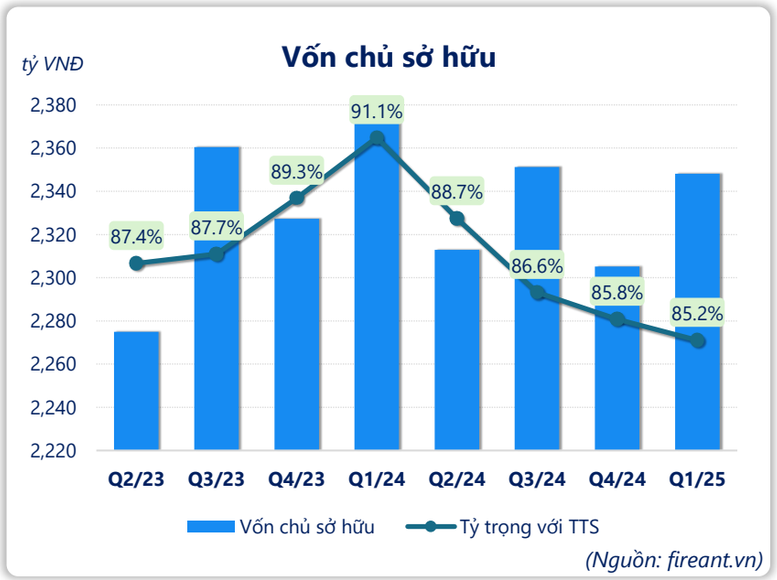

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Giống Bò sữa Mộc Châu (HSX: MCM)

Kết quả kinh doanh

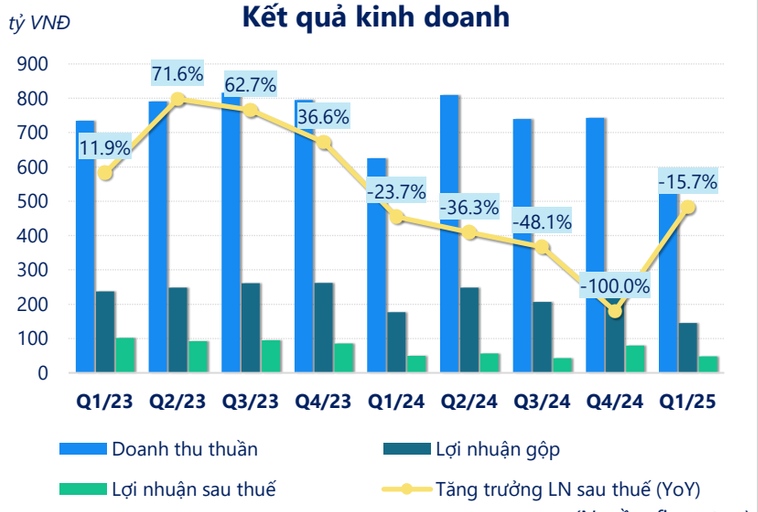

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

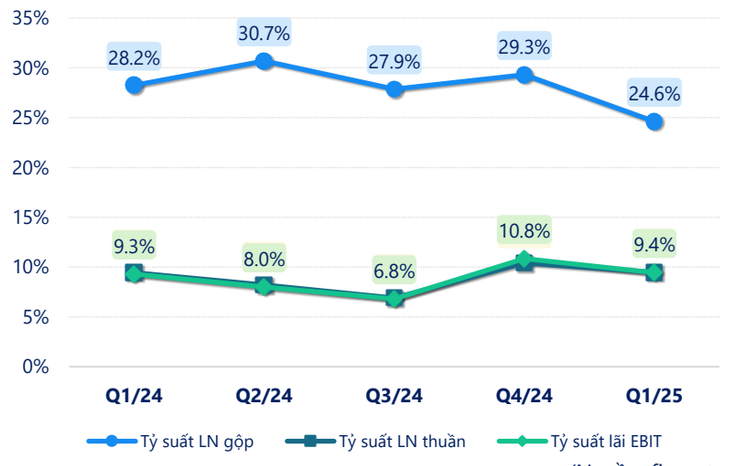

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

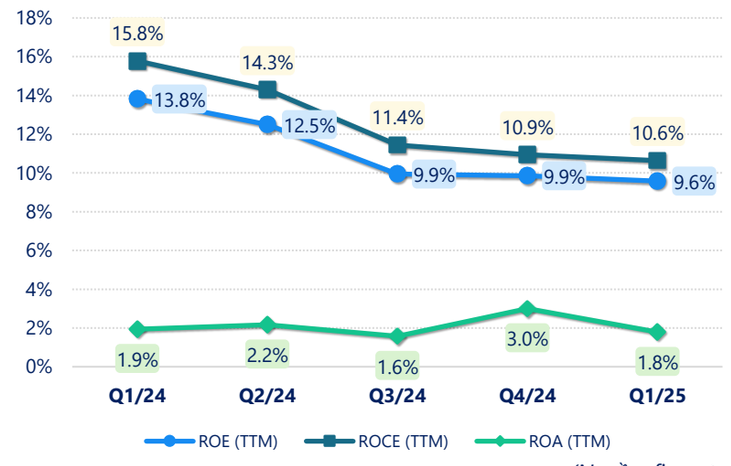

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

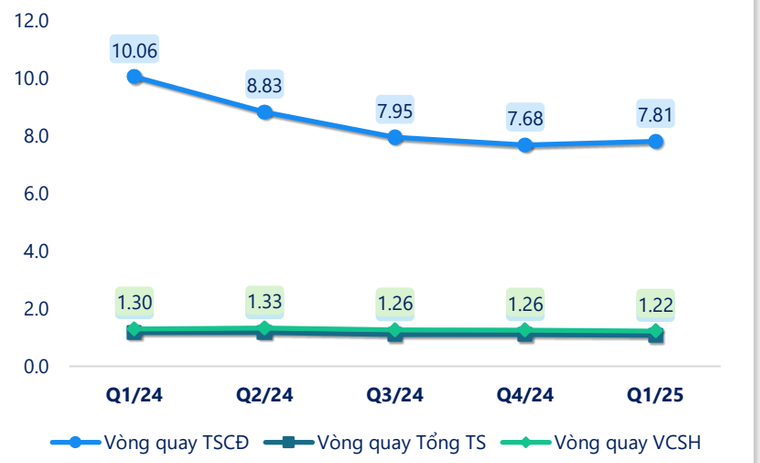

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

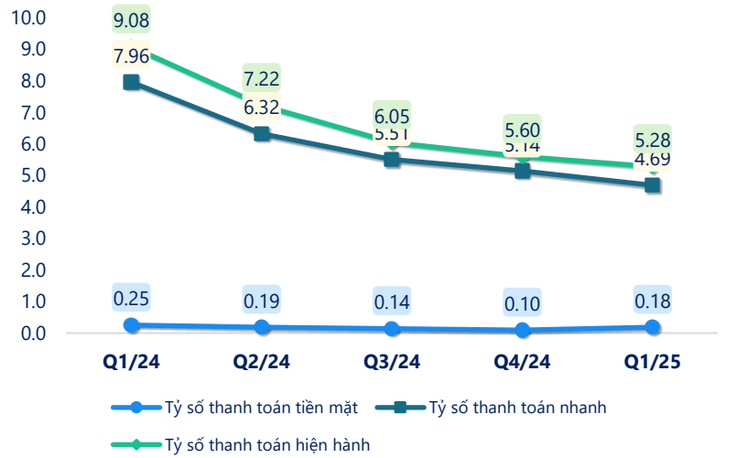

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

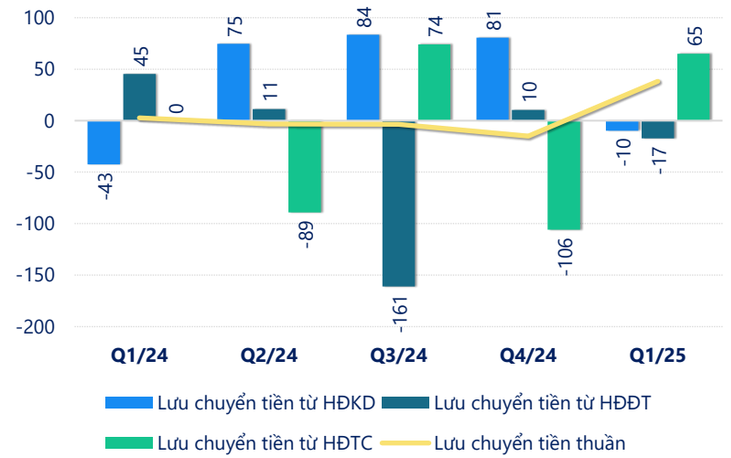

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Giống Bò sữa Mộc Châu (HSX: MCM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,756**	**2,687**	**2.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,135	2,115	0.9%
Tiền và tương đương tiền	74.5	36.3	105%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,605	1,603	0.1%
Phải thu ngắn hạn	206	287	-28.2%
Hàng tồn kho	239	172	38.7%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	16.2	-37.0%
Tài sản dài hạn	**622**	**572**	**8.7%**
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản cố định	364	367	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	242	187	29.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**15.4**	**18.2**	**-15.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	408	381	7.0%
Nợ ngắn hạn	**404**	**378**	**7.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	99.0	65.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	160	165	-2.7%
Nợ dài hạn	3.85	3.88	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,348**	**2,305**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,348**	**2,305**	**1.9%**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	625	809	740	743	591
Giá vốn hàng bán	449	561	534	525	446
Lợi nhuận gộp	177	248	206	218	145
Doanh thu HĐTC	30.4	21.6	23.7	25.5	24.5
Chi phí TC	0.00	0.01	0.57	1.32	1.28
Chi phí lãi vay	0	0.01	0.57	1.16	1.17
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	139	194	170	154	102
Chi phí QLDN	8.76	9.31	8.65	10.4	10.3
LN thuần từ HĐKD	59.0	66.3	51.1	77.3	56.0
Lợi nhuận khác	-0.84	-1.62	-1.30	2.11	-1.35
LN trước thuế	58.1	64.7	49.8	79.4	54.7
Lợi nhuận sau thuế	50.0	56.3	42.6	79.4	47.8
LNST của CĐ cty mẹ	50.0	56.3	42.6	79.4	47.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-42.6	74.6	83.5	80.6	-9.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	45.4	11.3	-161	10.4	-17.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-89.2	74.2	-106	65.0
Tiền đầu kỳ	55.2	58.0	54.7	51.3	36.3
Lưu chuyển tiền thuần	**2.74**	**-3.29**	**-3.40**	**-15.0**	**38.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	58.0	54.7	51.3	36.3	74.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic